

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ THỪA PHÁT LẠI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

● NGUYỄN QUỐC TOÀN^{1*} - NGUYỄN QUỐC BÌNH²

¹ Văn phòng Thừa Phát Lại Nguyễn Quốc Toàn, tỉnh Vĩnh Long

² Khoa Tài Chính Ngân Hàng, Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh,
Phân hiệu Vĩnh Long (UEH MEKONG)

DOI: <https://doi.org/10.62831/202526047>

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, việc hoàn thiện thể chế Thừa phát lại có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức. Bài viết phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn hoạt động Thừa phát lại tại Việt Nam, đồng thời chỉ ra những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và yêu cầu cải cách tư pháp, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế Thừa phát lại, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Từ khóa: thừa phát lại, vi bằng, giá trị pháp lý, tố tụng dân sự.

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa tại Việt Nam dẫn tới sự gia tăng đáng kể các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại và lao động. Song hành với sự mở rộng và đa dạng của các quan hệ xã hội là sự xuất hiện của nhiều dạng tranh chấp mới, có tính chất phức tạp, đan xen quyền và nghĩa vụ giữa nhiều chủ thể khác nhau. Một đặc điểm nổi bật của thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Tòa án hiện nay chính là khó khăn trong việc thu thập, bảo toàn và đánh giá chứng cứ. Trong bối cảnh đó, sự ra đời của

chế định Thừa phát lại, với trọng tâm là công cụ vi bằng đã mở ra một hướng đi mới cho hệ thống pháp luật Việt Nam. Vi bằng, hiểu một cách khái quát là văn bản do Thừa phát lại lập để ghi nhận sự kiện, hành vi mà họ trực tiếp chứng kiến nhằm làm cơ sở chứng cứ cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên khi có tranh chấp. So với công cụ pháp lý truyền thống, vi bằng có ưu điểm ở tính khách quan, linh hoạt và kịp thời trong việc ghi nhận các sự kiện thực tế, đặc biệt trong bối cảnh chứng cứ dễ bị thay đổi, tiêu hủy hoặc tẩu tán.

Tuy nhiên, sau hơn 10 năm triển khai, chế định Thừa phát lại tại Việt Nam nói chung và vi bằng

nói riêng vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, như: giá trị pháp lý của vi bằng chưa đầy đủ; sự thiếu thống nhất trong nhận thức, áp dụng giữa các cơ quan tố tụng và tình trạng nhầm lẫn vi bằng với công chứng, chứng thực. Những bất cập này làm giảm niềm tin xã hội và hạn chế vai trò của vi bằng trong việc nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, giảm tải cho Tòa án. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết tập trung phân tích vai trò, giá trị pháp lý của vi bằng, đánh giá những thách thức trong thực tiễn áp dụng, đồng thời đề xuất giải pháp hoàn thiện thể chế Thừa phát lại trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Vai trò của vi bằng trong tố tụng dân sự

Việc giải quyết tranh chấp dân sự tại Tòa án phụ thuộc rất lớn vào khả năng thu thập, bảo toàn và đánh giá chứng cứ. Trong nhiều trường hợp, chứng cứ có thể dễ dàng bị thay đổi, hủy bỏ hoặc không còn nguyên trạng khi được đưa ra xét xử, dẫn đến khó khăn cho đương sự và cơ quan tiến hành tố tụng. Vi bằng do Thừa phát lại lập đã ra đời như một công cụ pháp lý nhằm giải quyết tình trạng này.

Trên phương diện khái niệm, vi bằng là văn bản do Thừa phát lại lập để ghi nhận sự kiện, hành vi có thật mà Thừa phát lại trực tiếp chứng kiến. Đây là điểm đặc biệt quan trọng, bởi giá trị cốt lõi của vi bằng nằm ở yếu tố “trực tiếp chứng kiến” của người có chức năng pháp lý được Nhà nước trao quyền. Thừa phát lại không tham gia đánh giá tính hợp pháp hay bất hợp pháp của sự kiện, mà chỉ ghi nhận một cách khách quan sự kiện đó đã xảy ra trong thực tế. Chính tính chất khách quan khiến vi bằng trở thành nguồn chứng cứ đáng tin cậy, đặc biệt trong các tranh chấp mà việc xác minh sự kiện có ý nghĩa quyết định.

Từ góc độ chức năng, vi bằng trước hết là công cụ giúp các bên đương sự xác lập chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Chẳng hạn, trong tranh chấp hợp đồng thuê nhà, bên cho thuê có thể lập vi bằng ghi nhận tình trạng tài sản trước khi bàn giao. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về việc hư hỏng tài sản, vi bằng trở thành

căn cứ quan trọng để xác định trách nhiệm. Bên cạnh đó, vi bằng có tác dụng chứng minh sự kiện khách quan trong nhiều tình huống, như ghi nhận việc giao nhận hàng hóa, tiến hành thi công công trình, tình trạng vi phạm hợp đồng của một bên. Ở khía cạnh này, vi bằng giúp Tòa án tiết kiệm thời gian và công sức trong việc xác minh, kiểm tra chứng cứ, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án.

Ngoài vai trò bảo vệ quyền lợi trực tiếp của đương sự, vi bằng còn có ý nghĩa lớn trong việc phòng ngừa tranh chấp. Khi một sự kiện, hành vi được ghi nhận khách quan bởi Thừa phát lại, các bên có xu hướng thận trọng hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ pháp lý, bởi họ biết rằng hành vi của mình đã được “ghi dấu” và có thể trở thành chứng cứ chống lại họ trước Tòa án. Hiệu ứng phòng ngừa này giúp giảm bớt nguy cơ tranh chấp và góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong xã hội.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, ở các nước có hệ thống pháp luật dân sự phát triển, vi bằng hoặc các văn bản tương tự thường được coi trọng và có giá trị pháp lý cao. Tại Pháp, chế định *procès-verbal de constat* do *huissier de justice* (Thừa phát lại) lập gần như mặc nhiên được Tòa án công nhận, trừ khi có chứng cứ phản bác rõ ràng hơn. Điều này giúp quá trình tố tụng diễn ra nhanh chóng và hiệu quả, đồng thời giảm gánh nặng chứng minh cho đương sự. So sánh với Việt Nam, thấy rõ tiềm năng của vi bằng là rất lớn, nhưng việc phát huy giá trị của nó phụ thuộc nhiều vào khung pháp lý và mức độ thừa nhận của hệ thống tư pháp.

3. Giá trị pháp lý của vi bằng và những hạn chế

3.1. Giá trị pháp lý của vi bằng

Thực tế hoạt động lập vi bằng của thừa phát lại là việc ghi nhận lại các sự kiện, hành vi có thật trong thực tế một cách trung thực, khách quan dưới sự chứng kiến của Thừa phát lại. Vi bằng được ghi nhận trong các văn bản quy phạm pháp luật như Nghị định số 61/2009/NĐ-CP và hiện nay là Nghị định số 08/2020/NĐ-CP, song giá trị pháp

lý của nó vẫn còn hạn chế. Theo quy định hiện hành, vi bằng chỉ được coi là một “nguồn chứng cứ” trong quá trình tố tụng, chứ chưa được công nhận là “chứng cứ chính thức”. Điều này có nghĩa Tòa án có thể xem xét, cân nhắc, nhưng không bắt buộc phải công nhận vi bằng là chứng cứ có giá trị quyết định trong vụ án.

3.2. Những hạn chế của vi bằng

Hệ quả của cách quy định này là tính ràng buộc pháp lý của vi bằng không cao. Trong nhiều trường hợp, mặc dù vi bằng ghi nhận sự kiện khách quan, nhưng Tòa án lại không sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án. Điều này khiến người dân mất niềm tin vào công cụ pháp lý mới mẻ này. Họ bỏ ra chi phí để lập vi bằng, nhưng khi ra Tòa, văn bản đó lại không được coi trọng, có thể bị bác bỏ, dẫn đến tâm lý hoài nghi về hiệu quả thực sự của chế định Thừa phát lại.

Một bất cập khác là sự thiếu thống nhất trong việc áp dụng vi bằng giữa các địa phương. Có nơi, Tòa án coi vi bằng là chứng cứ quan trọng để giải quyết tranh chấp. Nhưng ở nơi khác, Tòa án chỉ coi vi bằng là nguồn tham khảo, thậm chí đưa ra khỏi hồ sơ vụ án. Sự khác biệt này gây nên tình trạng bất bình đẳng pháp lý giữa các đương sự ở các địa phương khác nhau, làm suy giảm uy tín của hệ thống tư pháp và hiệu quả của vi bằng.

Bên cạnh đó, bản thân nhiều người dân, có cả một số luật sư và cán bộ pháp luật vẫn còn nhầm lẫn giữa vi bằng và công chứng. Họ cho rằng, vi bằng có giá trị pháp lý tương tự như hợp đồng công chứng, từ đó sử dụng vi bằng trong những trường hợp không phù hợp, điển hình là giao dịch nhà đất. Hệ quả là phát sinh nhiều tranh chấp phức tạp, trong đó vi bằng bị sử dụng sai mục đích và không được Tòa án công nhận.

Ở khía cạnh quản lý nhà nước, cơ chế giám sát hoạt động lập vi bằng còn chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng chất lượng vi bằng chưa đồng đều. Một số Thừa phát lại thiếu kinh nghiệm hoặc chưa tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lập vi bằng, làm cho văn bản này dễ bị Tòa án nghi ngờ về độ tin

cậy. Tất cả những hạn chế trên cho thấy, mặc dù vi bằng có tiềm năng lớn, nhưng để phát huy giá trị cần có sự điều chỉnh căn bản cả về pháp lý và thực tiễn triển khai.

4. Thực tiễn và thách thức trong áp dụng vi bằng

Thực tiễn triển khai chế định vi bằng tại Việt Nam trong hơn một thập kỷ qua đã bộc lộ nhiều thách thức. Trước hết, nhận thức của người dân về vi bằng chưa đầy đủ. Không ít trường hợp coi vi bằng như một hình thức công chứng, từ đó sử dụng để ghi nhận giao dịch mua bán bất động sản, sang nhượng đất đai hoặc thế chấp tài sản. Điều này tiềm ẩn nhiều rủi ro, bởi vi bằng không có giá trị chứng minh quyền sở hữu hay quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản, mà chỉ ghi nhận một sự kiện đã diễn ra. Khi Tòa án giải quyết tranh chấp, vi bằng trong những trường hợp này thường không được công nhận, dẫn đến thiệt hại cho người dân.

Một thách thức khác là sự dè dặt từ phía cơ quan nhà nước, đặc biệt là Tòa án. Do pháp luật chưa xác định vi bằng là chứng cứ chính thức, các Thẩm phán chỉ xem vi bằng như một nguồn tham khảo. Trong một số vụ án, Tòa án bác bỏ vi bằng với lý do văn bản không phản ánh đầy đủ sự kiện hoặc không đảm bảo tính khách quan. Thái độ dè dặt này khiến cho vai trò của vi bằng trong thực tiễn bị thu hẹp đáng kể.

Cơ chế quản lý, giám sát hoạt động của Thừa phát lại còn nhiều bất cập. Hiện chưa có hệ thống đánh giá, kiểm tra chất lượng vi bằng một cách toàn diện và thường xuyên. Sự thiếu đồng bộ này làm phát sinh tình trạng vi bằng lập ra không đạt chuẩn, ngôn ngữ mơ hồ hoặc thiếu chứng cứ kèm theo. Khi những vi bằng này được đưa ra Tòa án, khả năng bị bác bỏ rất cao. Điều này làm suy giảm niềm tin của xã hội vào công cụ pháp lý vốn được kỳ vọng sẽ hỗ trợ đắc lực cho công tác tư pháp.

Hệ quả cuối cùng là niềm tin của xã hội đối với chế định Thừa phát lại nói chung và vi bằng nói riêng chưa được củng cố vững chắc. Khi người dân

bỏ tiền lập vi bằng nhưng văn bản đó bị Tòa án từ chối, họ sẽ có xu hướng cho rằng chế định này thiếu hiệu quả, thậm chí vô ích. Về lâu dài, tình trạng này có thể làm xói mòn uy tín của hệ thống pháp luật, làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước và tác động tiêu cực đến nỗ lực cải cách tư pháp.

5. Giải pháp hoàn thiện thể chế Thừa phát lại

Để vi bằng thực sự phát huy vai trò là công cụ pháp lý quan trọng trong việc ghi nhận sự kiện, hành vi khách quan và hỗ trợ quá trình giải quyết tranh chấp, cần có những giải pháp toàn diện, kết hợp phương diện pháp luật, tổ chức và xã hội.

Thứ nhất, cần nâng cao giá trị pháp lý của vi bằng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Việc chỉ coi vi bằng là một nguồn chứng cứ tham khảo làm giảm đáng kể hiệu lực thực tiễn của công cụ này. Trong bối cảnh nhu cầu bảo đảm tính khách quan và kịp thời của chứng cứ ngày càng cao, pháp luật cần được sửa đổi theo hướng công nhận vi bằng là chứng cứ chính thức. Điều này có nghĩa rằng, khi một sự kiện đã được Thừa phát lại lập vi bằng ghi nhận, thì mặc nhiên được xem là chứng cứ hợp pháp, trừ khi có chứng cứ rõ ràng, thuyết phục hơn chứng minh ngược lại. Cách tiếp cận này vừa tạo sự minh bạch, vừa nâng cao hiệu quả tố tụng, đồng thời củng cố niềm tin của người dân vào giá trị của vi bằng.

Thứ hai, cần ban hành các hướng dẫn mang tính thống nhất để bảo đảm việc áp dụng vi bằng đồng bộ trên toàn quốc. Hiện nay, sự khác biệt trong việc tiếp nhận và đánh giá vi bằng giữa các Tòa án đã tạo ra sự bất bình đẳng pháp lý. Để khắc phục tình trạng này, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp cần phối hợp ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể, quy định rõ ràng về phạm vi, giá trị và cách thức sử dụng vi bằng trong quá trình tố tụng. Một hệ thống hướng dẫn thống nhất không chỉ giúp Thẩm phán có cơ sở rõ ràng trong việc đánh giá vi bằng, còn giúp người dân và các tổ chức pháp lý có sự định hướng đúng đắn khi sử dụng công cụ này.

Thứ ba, xác định rõ cơ quan chủ quản có trách nhiệm xử lý vướng mắc liên quan đến hoạt động

Thừa phát lại. Thực tế cho thấy, nhiều tình huống phát sinh trong quá trình lập và sử dụng vi bằng chưa được cơ quan nào giải quyết một cách nhất quán, dẫn đến tình trạng “đùn đẩy” trách nhiệm. Cần có quy định cụ thể, phân công rõ ràng vai trò của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc hướng dẫn, giải quyết những vấn đề liên quan đến vi bằng. Sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 cơ quan này sẽ tạo nên cơ chế kiểm soát và hỗ trợ toàn diện, đảm bảo vi bằng được áp dụng hiệu quả và đúng pháp luật.

Thứ tư, cần nâng cao vị thế pháp lý và nghề nghiệp của Thừa phát lại. Trong nhiều trường hợp, Thừa phát lại bị nhìn nhận như một chức danh phụ trợ, chưa được xã hội đánh giá đúng vai trò. Điều này dẫn đến sự thiếu tôn trọng đối với vi bằng mà họ lập ra. Vì vậy, cần khẳng định rõ ràng rằng Thừa phát lại là một chủ thể lập chứng cứ có giá trị pháp lý cao, tương tự như công chứng viên trong lĩnh vực giao dịch. Nhà nước cần ban hành các chuẩn mực nghề nghiệp, nâng cao yêu cầu về trình độ, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp của Thừa phát lại, qua đó tạo dựng niềm tin xã hội vào chất lượng vi bằng.

Thứ năm, một định hướng dài hạn và mang tính chiến lược là ban hành Luật Thừa phát lại. Việc chỉ dừng lại ở các nghị định dưới luật như hiện nay khiến cho khung pháp lý của chế định này còn thiếu ổn định và dễ thay đổi. Khi được nâng lên thành luật, chế định Thừa phát lại sẽ có cơ sở pháp lý vững chắc hơn, được quy định rõ ràng về tổ chức, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm. Đây là điều kiện cần thiết để bảo đảm sự phát triển bền vững của chế định này, đồng thời tạo sự đồng bộ với các thiết chế pháp lý khác trong hệ thống tư pháp.

Thứ sáu, bên cạnh các cải cách về pháp luật, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật cũng cần được chú trọng. Thực tiễn cho thấy, một trong những nguyên nhân khiến vi bằng chưa phát huy hiệu quả là sự thiếu hiểu biết của người dân về giá trị pháp lý của văn bản này. Vì vậy, các cơ quan chức năng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền,

thông qua nhiều hình thức đa dạng như hội thảo, truyền thông đại chúng, tập huấn tại cộng đồng và hệ thống giáo dục pháp luật thường xuyên. Chỉ khi người dân hiểu đúng vi bằng là gì, có giá trị đến đâu và sử dụng trong những trường hợp nào thì công cụ này mới thực sự phát huy hiệu quả trong đời sống pháp lý.

Thứ bảy, trong thời đại chuyển đổi số, một giải pháp mang tính đột phá là ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động lập và quản lý vi bằng. Nhà nước có thể xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử quốc gia về vi bằng, cho phép lưu trữ, tra cứu và kết nối trực tuyến giữa các Văn phòng Thừa phát lại, Tòa án, Viện kiểm sát và các cơ quan có thẩm quyền khác. Điều này giúp nâng cao tính minh bạch và khả năng kiểm soát, tạo thuận lợi trong việc xác minh, đối chiếu khi vi bằng được sử dụng trong quá trình tố tụng. Ứng dụng công nghệ số cũng giúp hạn chế rủi ro làm giả, sửa đổi hoặc làm mất vi bằng.

Thứ tám, tăng cường cơ chế giám sát và xử lý vi phạm. Để bảo đảm uy tín của chế định Thừa phát lại cần thiết lập hệ thống kiểm tra, thanh tra định kỳ nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động lập vi bằng. Các biện pháp kỷ luật cần nghiêm minh, đi kèm với cơ chế công khai để tạo niềm tin cho xã hội. Cần có cơ chế phản hồi, tiếp nhận ý kiến của người dân và doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ của Thừa phát lại, từ đó có sự điều chỉnh kịp thời.

6. Kết luận

Vi bằng với tư cách là văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi khách quan do Thừa phát lại lập là một sáng kiến pháp lý mang tính cải cách quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Công cụ này không chỉ có khả năng hỗ trợ hiệu quả quá trình giải quyết tranh chấp dân sự, góp phần phòng ngừa vi phạm, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong xã hội và giảm tải cho Tòa án. Tuy nhiên, sau hơn một thập kỷ triển khai, vi bằng vẫn chưa phát huy được tiềm năng do nhiều nguyên nhân, từ khung pháp lý còn hạn chế, sự thiếu thống nhất trong áp dụng đến nhận thức chưa đầy đủ của người dân và các cơ quan tiến hành tố tụng.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, khi các tranh chấp ngày càng phức tạp và nhu cầu bảo đảm công lý ngày càng cao, việc hoàn thiện thể chế Thừa phát lại là một nhiệm vụ cấp thiết. Các giải pháp cần thực hiện bao gồm: nâng cao giá trị pháp lý của vi bằng, ban hành hướng dẫn thống nhất trên toàn quốc, xác định cơ quan chủ quản xử lý vướng mắc, nâng cao vị thế nghề nghiệp của Thừa phát lại, ban hành Luật Thừa phát lại, đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật, ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường giám sát. Đây là những giải pháp cần thiết để vi bằng trở thành công cụ pháp lý thực sự hữu hiệu, góp phần khẳng định vai trò của Thừa phát lại trong hệ thống tư pháp hiện đại ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020). Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020). Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Bộ Tư pháp (2020). Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Bộ Tư pháp (2022). Thông tư số 08/2022/TT-BTP ngày 01/11/2022 ban hành Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Thừa phát lại.

Nguyễn Đức Chính (2006). Tổ chức Thừa phát lại. Hà Nội: NXB Tư pháp.

Vũ Hoài Nam (2013). Tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại ở Việt Nam hiện nay. Hà Nội: NXB Tư pháp.

Nguyễn Văn Nghĩa (2018). Định hướng phát triển nghề Thừa phát lại ở Việt Nam và những vấn đề pháp lý mới cần hoàn thiện. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.

Ngày nhận bài: 24/6/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 1/7/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 21/7/2025

ENHANCING THE BAILIFF INSTITUTION TO MEET NATIONAL DEVELOPMENT REQUIREMENTS IN THE NEW ERA

● **NGUYEN QUOC TOAN¹**

● **NGUYEN QUOC BINH²**

¹Nguyen Quoc Toan Bailiff Office, Vinh Long Province

²Faculty of Finance and Banking,
University of Economics Ho Chi Minh City - Vinh Long Campus

ABSTRACT:

In the context of ongoing judicial reform and the construction of a socialist rule-of-law state in Vietnam, strengthening the bailiff institution is essential to enhancing the effectiveness of judicial activities and safeguarding the legitimate rights and interests of individuals and organizations. This study analyzes the current legal framework and practical implementation of bailiff activities in Vietnam, identifying key limitations and shortcomings in the existing system. Drawing on international experience and the objectives of Vietnam's judicial reform, the study proposes a series of solutions aimed at improving the bailiff institution, thereby contributing to the modernization and efficiency of the judicial system in alignment with the country's development goals in the new era.

Keywords: bailiff, notary, legal value, civil proceedings.